SAO Y; ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN; 16/01/2024 09:16:51

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 39/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1195/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại Tờ trình số 224/TTr-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc đề nghị phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp; Báo cáo thẩm định số 2015/BC-HĐTĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022, văn bản tổng hợp ý kiến rà soát hồ sơ Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại văn bản số 9602/CV-HĐTĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và công văn số 01/UBND-ĐTQH ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc đề nghị phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

Phạm vi, ranh giới quy hoạch tỉnh Đồng Tháp bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính của tỉnh Đồng Tháp, nằm ở tọa độ 10º07’ đến 10º58’ vĩ độ Bắc và 105º12’ đến 105º58’ kinh độ Đông. Phía Bắc giáp tỉnh Prey Veng - Vương quốc Campuchia; phía Nam giáp tỉnh Vĩnh Long và thành phố Cần Thơ; phía Tây giáp tỉnh An Giang; phía Đông giáp tỉnh Long An và tỉnh Tiền Giang.

II. QUAN ĐIỂM, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN; CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm

a) Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải bám sát chủ trương, đường lối phát triển của Đảng, Nhà nước; phù hợp với với mục tiêu, định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và bền vững; phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch, kế hoạch ngành quốc gia, quy hoạch, kế hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long và các quy hoạch, kế hoạch liên quan.

b) Khai thác tối đa, hiệu quả tiềm năng, lợi thế; huy động, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả mọi nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, áp dụng các mô hình kinh tế mới; lấy kinh tế nông nghiệp làm nền tảng, công nghiệp chế biến, dịch vụ làm động lực; thu hút đầu tư đối với những doanh nghiệp có công nghệ cao, thân thiện với môi trường vào các ngành trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, công nghiệp sản xuất năng lượng sạch, du lịch và dịch vụ cảng sông, dịch vụ logistics.

c) Tổ chức, bố trí không gian phát triển hài hòa, hợp lý gắn với bảo tồn và phát huy điều kiện tự nhiên, sinh thái hiện có; tập trung phát triển các vùng, hành lang động lực để thúc đẩy các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, trong đó tập trung phát triển vùng kinh tế trung tâm dọc sông Tiền, vùng kinh tế biên giới và ba hành lang kinh tế gắn với các trục giao thông của tỉnh; quản lý và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, nhất là tài nguyên đất, nước.

d) Nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và thực hiện đổi mới, sáng tạo; phát triển kinh tế - xã hội gắn với chuyển đổi số dựa trên ba trụ cột chính (kinh tế số, xã hội số, chính quyền số). Tăng cường giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành kinh tế - xã hội của tỉnh; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp; bảo đảm an sinh xã hội.

đ) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; bảo đảm người dân có cuộc sống an toàn, hạnh phúc.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Đồng Tháp là tỉnh có trình độ phát triển khá, nằm trong nhóm đầu về chuyển đổi số, một trong những trung tâm sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản của vùng đồng bằng sông Cửu Long; có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, đô thị hiện đại, nông thôn giàu bản sắc, du lịch thân thiện và hấp dẫn; phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội, con người; duy trì vị trí nhóm đầu cả nước về các chỉ số: cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; hợp tác, hội nhập quốc tế được tăng cường. Người dân có cuộc sống ấm no, văn minh, hạnh phúc.

b) Các chỉ tiêu cụ thể

- Về kinh tế:

+ Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP) bình quân đạt 7 - 7,5%/năm. GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành) đạt khoảng 160 triệu đồng.

+ Tỷ trọng trong GRDP của ngành công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 27%; ngành dịch vụ chiếm khoảng 43%; ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 22%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp chiếm khoảng 8%.

+ Tỷ lệ đóng góp của năng suất tổng hợp vào tăng trưởng kinh tế (TFP/GRDP) đến năm 2030 là 50%.

+ Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội thời kỳ 2021 - 2030 đạt 477.000 tỷ đồng.

- Về xã hội:

+ Tốc độ tăng trưởng dân số bình quân đạt khoảng 0,6 - 1,2%;

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 85%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 65%.

+ Chỉ tiêu phát triển con người (HDI) đạt khoảng 0,75.

+ Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95%.

+ Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 0,32%; tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều đạt mức dưới 1,2%.

+ Tỷ lệ cơ sở giáo dục đạt chuẩn: mầm non 75%, tiểu học 70%, trung học cơ sở 80%, trung học phổ thông 90%.

+ Tỷ lệ giường bệnh/10.000 dân là 32 giường, tỷ lệ bác sĩ/10.000 dân là 12 người.

- Về môi trường:

+ 100% dân cư đô thị và 98% dân cư nông thôn sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn.

+ Trên 50% các đô thị loại II trở lên và trên 20% các đô thị còn lại được thu gom, xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định.

+ 90% chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại từ đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp được thu gom, xử lý theo quy định.

+ Tỷ lệ đô thị hoá năm 2030 đạt trên 42%.

+ 100% đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 50% đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

+ Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đạt khoảng 11 - 16%.

- Về quốc phòng, an ninh

Bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội, chủ quyền biên giới quốc gia. Xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Đồng Tháp là tỉnh dẫn đầu cả nước trong một số lĩnh vực nông nghiệp, trung tâm nông nghiệp, du lịch sinh thái của vùng đồng bằng sông Cửu Long; trung tâm giao lưu phát triển kinh tế giữa vùng đồng bằng sông Cửu Long với các nước thuộc tiểu vùng sông Mê Công. Người dân có cuộc sống phồn vinh, hạnh phúc.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển

a) Hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ, thủy sản chất lượng cao gắn với công nghiệp chế biến, thị trường tiêu thụ theo chuỗi giá trị và xây dựng thương hiệu sản phẩm, trong đó tập trung nguồn lực xây dựng thành phố Cao Lãnh trở thành trung tâm trao đổi hàng hóa nông sản cấp vùng. Phát triển các chuỗi đô thị gắn với các vùng, hành lang kinh tế động lực của tỉnh, phù hợp với đặc thù của từng địa phương, thúc đẩy dịch vụ và du lịch.

b) Xây dựng cơ chế, chính sách để huy động hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng cường phát triển doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

c) Đẩy mạnh liên kết, hợp tác phát triển với các địa phương trong vùng, kết nối với Thành phố Hồ Chí Minh; tập trung phát triển Khu kinh tế cửa khẩu, hợp tác với Vương quốc Campuchia. Liên kết với các tỉnh: Long An, Tiền Giang xây dựng Dự án đột phá tiểu vùng Đồng Tháp Mười thành Trung tâm dự trữ phát triển quốc gia về dự trữ nguồn nước ngọt và nguồn phù sa, khai thác tài nguyên nông nghiệp và du lịch.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH QUAN TRỌNG; PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng

a) Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản

- Đổi mới tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp; chuyển đổi linh hoạt cơ cấu cây trồng gắn với ứng dụng công nghệ cao, sử dụng đất hợp lý để phát triển các loại cây trồng có lợi thế; nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ trong các lĩnh vực có lợi thế.

- Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp đồng bộ, hiện đại; hình thành và phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn quy mô lớn, chất lượng cao theo chuỗi giá trị gắn với chế biến sâu đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế; phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch đi đôi với an toàn thực phẩm.

- Phát triển các trung tâm đầu mối về nông nghiệp gắn với vùng chuyên canh, kết nối với các đô thị ở Đồng Tháp (gắn với vùng nguyên liệu về thủy sản nước ngọt, trái cây, lúa gạo ở vùng sinh thái nước ngọt).

- Từng bước phát triển chăn nuôi hướng tập trung quy mô lớn, giá trị gia tăng cao gắn với chế biến thực phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và từng bước xuất khẩu. Kết hợp chăn nuôi với sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản theo mô hình kinh tế tuần hoàn. Phát triển thủy sản, nhất là cá tra trở thành ngành kinh tế chủ lực của tỉnh; áp dụng công nghệ cải tiến, hiện đại, nuôi hữu cơ, nuôi tuần hoàn, gắn với hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh cao, bền vững.

- Quản lý, bảo vệ chặt chẽ, giữ vững tỷ lệ che phủ, khai thác hợp lý, phát triển bền vững tài nguyên rừng. Chú trọng công tác phát triển rừng, các dịch vụ lâm nghiệp, dịch vụ môi trường rừng để tạo nguồn thu, tái đầu tư cho phát triển lâm nghiệp.

b) Ngành công nghiệp - xây dựng

- Cơ cấu lại ngành công nghiệp theo hướng tập trung, quy mô, ứng dụng khoa học công nghệ và thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư để đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của hàng hóa; ưu tiên thu hút đầu tư phát triển công nghiệp chế biến sâu nông, thủy sản, đồng thời với thu hút đầu tư phát triển công nghiệp hỗ trợ phục vụ phát triển cơ khí, cơ khí chính xác, dược phẩm và các ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh. Phát triển tiểu thủ công nghiệp gắn với bảo tồn, phát triển các làng nghề truyền thống.

- Tập trung đầu tư, phát triển các khu, cụm công nghiệp, trung tâm chế biến nông, thủy sản gắn với phát triển hệ thống logistics, dịch vụ hậu cần, dịch vụ hỗ trợ. Đẩy nhanh xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp và các khu, cụm công nghiệp tại tiểu vùng Đồng Tháp Mười.

- Tăng cường phát triển và sử dụng năng lượng tái tạo. Phát triển ngành xây dựng theo hướng hiện đại, đủ trình độ chuyên môn và công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

c) Ngành dịch vụ

- Tập trung nguồn lực phát triển một số ngành dịch vụ tiềm năng, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao như logistics, công nghệ thông tin và truyền thông, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, dịch vụ du lịch, y tế, khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo.

- Phát triển hệ thống thương mại văn minh hiện đại, đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử, phát triển các trung tâm đầu mối, hỗ trợ liên kết dịch vụ thương mại cấp vùng và tiểu vùng, hình thành các trung tâm logistics gắn với các khu, cụm công nghiệp. Chú trọng liên kết vùng để phát triển thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp, mở rộng giao thương trên phạm vi toàn quốc và các quốc gia trong vùng ASEAN.

- Tập trung đầu tư phát triển, hoàn thiện hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp trở thành trung tâm sản xuất, chế biến và thương mại của vùng đồng bằng sông Cửu Long với Vương quốc Campuchia.

- Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh; tập trung phát triển du lịch sinh thái, miệt vườn, nông nghiệp nông thôn, văn hóa, du lịch nghỉ dưỡng kết hợp với chăm sóc sức khỏe phù hợp với đặc trưng sông nước của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

a) Giáo dục và đào tạo

- Phát triển toàn diện giáo dục và đào tạo chuẩn hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế; tập trung đầu tư cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; bảo đảm công bằng xã hội trong tiếp cận giáo dục và đào tạo, xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời trong nhân dân.

- Khuyến khích xã hội hóa giáo dục và đào tạo; thu hút đầu tư vào giáo dục và đào tạo chất lượng cao đạt chuẩn quốc tế.

b) Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

- Đầu tư phát triển hệ thống y tế từ tuyến tỉnh đến cơ sở hoàn thiện, từng bước hiện đại bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tăng cường phát triển y tế dự phòng, kiểm soát bệnh tật và phục hồi chức năng; kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại.

- Khuyến khích xã hội hóa y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Kêu gọi đầu tư phát triển các dịch vụ y tế chất lượng cao.

c) Giáo dục nghề nghiệp và an sinh xã hội

- Đầu tư cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên và nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh đáp ứng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhất là các ngành, lĩnh vực chủ lực. Tăng cường các hoạt động thông tin, dự báo thị trường lao động và xúc tiến việc làm.

- Thực hiện hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với người có công; thực hiện tốt chính sách trợ giúp xã hội, công tác chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới; đẩy mạnh các hoạt động từ thiện, nhân đạo để hỗ trợ những người yếu thế trong xã hội, tạo thuận lợi cho họ tự vươn lên hoà nhập cộng đồng.

d) Văn hóa, thể thao

- Xây dựng, hoàn thiện và đồng bộ các thiết chế văn hóa, thể thao; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống; phát huy văn hóa tự hào đất Sen hồng trở thành nền tảng, động lực, mục tiêu thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Bảo tồn, tôn tạo, tu bổ các di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn tỉnh, duy trì và phát huy lễ hội và văn hóa dân gian, gắn kết chặt chẽ giữa văn hóa, thể thao với du lịch.

- Khuyến khích xã hội hóa văn hóa, thể thao. Tập trung phát triển phong trào thể thao quần chúng sâu rộng trong toàn tỉnh, chú trọng thể thao thành tích cao vào các môn có thế mạnh của tỉnh.

đ) Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Đẩy nhanh phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành động lực quan trọng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực khoa học, công nghệ; thực hiện liên kết với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, các tỉnh, thành phố trong nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

e) Thông tin và truyền thông

Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, mạng kết nối vạn vật liên thông, đồng bộ, hiện đại. Phát triển ngành báo chí, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn, hiện đại; phát triển bưu chính theo hướng hoàn thiện chất lượng dịch vụ số. Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và phát triển đô thị thông minh.

g) Quốc phòng, an ninh

Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Giữ vững ổn định chính trị, chủ quyền biên giới quốc gia. Xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển với Vương quốc Campuchia.

3. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội

a) Bốn vùng kinh tế - xã hội

- Vùng kinh tế - xã hội trung tâm gồm: Thành phố Cao Lãnh và thành phố Sa Đéc; phía Tây huyện Tam Nông; phía Nam huyện Cao Lãnh; phía Bắc các huyện: Lấp Vò, Lai Vung, Châu Thành (dọc sông Tiền) là vùng động lực phát triển của tỉnh. Tập trung phát triển kinh tế đô thị, công nghiệp chế biến, thương mại, du lịch. Trong đó thành phố Cao Lãnh là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh kết nối với thành phố Sa Đéc trở thành hai cực tăng trưởng của vùng trung tâm.

- Vùng kinh tế biên giới (vùng phía Bắc) gồm: Thành phố Hồng Ngự, huyện Hồng Ngự, phần lớn huyện Tân Hồng. Tập trung phát triển Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp, cửa ngõ giao thương quốc tế của vùng đồng bằng sông Cửu Long với Vương quốc Campuchia; trở thành vùng kinh tế động lực, điểm khởi đầu của ba hành lang kinh tế (hàng lang kinh tế ven sông Hậu, hành lang kinh tế ven sông Tiền và hành lang kinh tế Đồng Tháp Mười). Thành phố Hồng Ngự đóng vai trò là cực tăng trưởng của vùng phía Bắc.

- Vùng kinh tế ven sông Hậu (vùng phía Tây Nam) gồm: Phía Nam các huyện: Lấp Vò, Lai Vung, Châu Thành. Tập trung phát triển hạ tầng, dịch vụ kết nối vùng đồng bằng sông Cửu Long với thị trấn Lấp Vò là cực tăng trưởng phía Tây Nam của tỉnh.

- Vùng phía Đông Bắc gồm: Huyện Tháp Mười, khu vực phía Đông các huyện: Tân Hồng, Tam Nông, Thanh Bình; khu vực phía Bắc huyện Cao Lãnh. Tập trung phát triển nông nghiệp sinh thái, công nghệ cao tập trung, quy mô lớn gắn với các khu, cụm công nghiệp chế biến nông, thủy sản với thị trấn Mỹ An là cực tăng trưởng vùng Đông Bắc của tỉnh.

b) Ba hành lang kinh tế

- Hành lang kinh tế Tây Bắc - Đông Nam (bố trí theo tuyến quốc lộ 30 kết nối quốc lộ 1, cao tốc Bắc -Nam phía Tây, cao tốc Bắc - Nam phía Đông, quốc lộ N1) là hành lang phát triển chủ lực của tỉnh. Tập trung phát triển đô thị, công nghiệp chế biến, trung tâm dịch vụ hậu cần.

- Hành lang kinh tế Nam Sông Tiền (bố trí theo tuyến quốc lộ 80, quốc lộ 80B, đường tỉnh 848 và đường Nam Sông Tiền, kết nối với cao tốc Bắc -Nam phía Tây và quốc lộ 1) phát triển đô thị, du lịch, công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao.

- Hành lang kinh tế Đông Bắc - Tây Nam (bố trí theo tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Tây) là tuyến kết nối kinh tế - xã hội các tỉnh thuộc Tứ giác Long Xuyên với vùng Đồng Tháp Mười và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Tổ chức các hoạt động kinh tế công nghệ chế biến, dịch vụ nông nghiệp và du lịch sinh thái.

c) Các khu vực cần bảo tồn, hạn chế phát triển

- Các khu vực lãnh thổ cần bảo tồn, hạn chế phát triển bao gồm: Công trình kiến trúc, di tích lịch sử, văn hóa, khu bảo tồn đất ngập nước, các khu vực có nguy cơ sạt lở cao, vườn Quốc gia Tràm Chim, huyện Tam Nông, khu sân chim và rừng tràm Gáo Giồng, Cồn Tiên, cồn An Hòa, cồn Đông Giang, cồn Bình Thạnh, cồn Tô Châu, cù lao Long Khánh. Hạn chế tối đa và kiểm soát chặt chẽ các hoạt động xây dựng công trình, khai thác tài nguyên ảnh hưởng đến cảnh quan, di tích, kiến trúc.

- Hạn chế tối đa, quản lý chặt chẽ việc cấp phép khai thác vật liệu xây dựng. Không xây dựng các khu, cụm công nghiệp, khu dân cư tập trung tại các khu bảo tồn. Kiểm soát mật độ xây dựng, loại công trình xây dựng, cấp công trình xây dựng; chú trọng sử dụng các phương pháp chống sạt lở đất. Khuyến khích trồng rừng, cây xanh, các biện pháp bảo vệ đất và lớp phủ thực vật khác.

IV. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ KHU VỰC NÔNG THÔN

1. Định hướng sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

- Tiếp tục thực hiện các quy định tại Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã, Kết luận số 48-KL/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030, Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và Nghị quyết số 35/2023/NQ-UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

- Tên gọi, địa lý, phương án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị

Khi có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, phấn đấu đến năm 2030, toàn tỉnh có 22 đô thị gồm: 02 đô thị loại I, 01 đô thị loại II, 01 đô thị loại III, 08 đô thị loại IV, 10 đô thị loại V.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

Các đô thị trung tâm tổng hợp, trung tâm chuyên ngành bao gồm:

- Thành phố Cao Lãnh mở rộng (đô thị loại I) là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học kỹ thuật của tỉnh; đầu mối giao thương vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Thành phố Sa Đéc: Là trung tâm nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp, văn hóa, thương mại, khoa học kỹ thuật, du lịch văn hóa lịch sử, du lịch sinh thái, sông nước, miệt vườn của tỉnh; là một trong những trung tâm hoa kiểng của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Thành phố Hồng Ngự: Trung tâm kinh tế biên giới phía Bắc của tỉnh; cửa ngõ kết nối, giao thương kinh tế của vùng đồng bằng sông Cửu Long với Vương quốc Campuchia.

- Huyện Tháp Mười: Phấn đấu đạt tiêu chí đô thị loại III (thị xã - vào năm 2030), tập trung phát triển mạnh đô thị trở thành đô thị cửa ngõ phía Đông của tỉnh kết nối với trục đô thị Long An, Tiền Giang, Cần Thơ và kết nối với Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đô thị còn lại đóng vai trò là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, thương mại của đơn vị hành chính cấp huyện.

3. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

- Phát triển các khu dân cư nông thôn trên cơ sở tổ chức lại các điểm dân cư hiện hữu gắn với xây dựng nông thôn mới; phát huy tối đa điều kiện tự nhiên, tiết kiệm và hạn chế sử dụng đất canh tác; cải tạo chỉnh trang, xây dựng mới khu dân cư gắn với vùng sản xuất nông nghiệp, phù hợp với đặc điểm tự nhiên, phong tục tập quán, văn hóa của từng địa phương.

- Phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ; phát triển làng nghề gắn với bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống, mang nét đặc trưng riêng gắn kết hoạt động sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng và các hoạt động quảng bá, xây dựng thương hiệu sản phẩm.

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG

1. Phương án phát triển khu kinh tế

Tập trung phát triển Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp với hai cửa khẩu quốc tế (Thường Phước, Dinh Bà) và 5 cửa khẩu phụ (Sở Thượng, Thông Bình, Mộc Rá, Á Đôn, Bình Phú) trở thành khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực, là trung tâm giao lưu phát triển kinh tế với Vương quốc Campuchia và các nước tiểu vùng sông Mê Công.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

2. Phương án phát triển các khu công nghiệp

Đến năm 2030, toàn tỉnh có 09 khu công nghiệp (thành lập mới 05 khu công nghiệp). Khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phê duyệt của các cấp thẩm quyền, tiếp tục thành lập 03 khu công nghiệp mới và mở rộng 04 khu công nghiệp, nâng tổng số khu công nghiệp của tỉnh thành 12.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

3. Phương án phát triển cụm công nghiệp

Đến năm 2030, thành lập mới 19 cụm công nghiệp với tổng diện tích 1.623 ha, nâng tổng số thành 32 cụm công nghiệp. Các cụm công nghiệp được bố trí thuận lợi giao thông, vùng nguyên liệu, các điều kiện hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ môi trường và các dịch vụ phục vụ người lao động.

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)

4. Phương án phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

- Vùng nông nghiệp Đồng Tháp Mười gồm: đơn vị hành chính cấp huyện nằm ở phía Bắc sông Tiền, chia thành 03 tiểu vùng:

+ Tiểu vùng phía Bắc Đồng Tháp Mười gồm: huyện Hồng Ngự và phía Bắc kênh Tân Thành - Lò Gạch của thành phố Hồng Ngự và huyện Tân Hồng;

+ Tiểu vùng trung tâm Đồng Tháp Mười gồm: huyện Tam Nông, huyện Thanh Bình, phía Nam kênh Tân Thành - Lò Gạch của thành phố Hồng Ngự, huyện Tân Hồng và phía Bắc kênh Nguyễn Văn Tiếp của huyện Cao Lãnh và huyện Tháp Mười;

+ Tiểu vùng phía Nam Đồng Tháp Mười gồm: thành phố Cao Lãnh và phía Nam kênh Nguyễn Văn Tiếp của huyện Cao Lãnh và huyện Tháp Mười.

- Vùng nông nghiệp giữa sông Tiền và sông Hậu gồm: thành phố Sa Đéc, các huyện: Lấp Vò, Lai Vung, Châu Thành và các cù lao của huyện Hồng Ngự và huyện Thanh Bình, chia thành 02 tiểu vùng:

+ Tiểu vùng các cù lao gồm: các cù lao của huyện Hồng Ngự và huyện Thanh Bình;

+ Tiểu vùng giữa sông Tiền và sông Hậu gồm: thành phố Sa Đéc và các huyện Lấp Vò, Lai Vung, Châu Thành.

(Chi tiết tại Phụ lục V kèm theo)

5. Phương án phát triển du lịch

Huy động các nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ để phát triển du lịch. Xây dựng, ban hành cơ chế chính sách để thu hút đầu tư xây dựng các khu du lịch sinh thái, khu du lịch nghỉ dưỡng, khu đô thị du lịch, khu du lịch kết hợp văn hóa, trải nghiệm, khu vui chơi giải trí, làng du lịch, du lịch kết hợp với chăm sóc sức khỏe, du lịch nông nghiệp nông thôn tại các địa bàn có tiềm năng về du lịch.

(Chi tiết tại Phụ lục VI kèm theo)

6. Phương án phát triển các khu bảo tồn, di tích lịch sử - văn hóa, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, tôn tạo, phục hồi khác

Bảo quản, tu bổ, tôn tạo, phục hồi các khu bảo tồn, di tích lịch sử - văn hóa, di tích cấp quốc gia đặc biệt, cấp quốc gia, cấp tỉnh và các khu vực cần được bảo quản, tu bổ, tôn tạo, phục hồi khác. Bảo quản, tôn tạo, phục hồi, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

(Chi tiết tại Phụ lục VII kèm theo)

7. Phương án phát triển khu quân sự, an ninh

Xây dựng, củng cố khu vực phòng thủ tỉnh gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc; đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Giữ vững chủ quyền, xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định, hợp tác và phát triển giữa Việt Nam và Vương quốc Campuchia. Bố trí đủ đất đai, kinh phí để phục vụ nhiệm vụ phát triển quốc phòng, an ninh.

8. Phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn

Thực hiện đầy đủ, hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh; từng bước nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống, vật chất tinh thần, bảo đảm an sinh xã hội cho người dân ở khu vực khó khăn và đặc biệt khó khăn.

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

a) Về đường bộ

- Đường bộ quốc gia: Các tuyến cao tốc, quốc lộ được thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch phát triển mạng lưới đường bộ quốc gia, Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Đường do tỉnh quản lý:

Tập trung nguồn lực xây dựng các tuyến đường bảo đảm giao thông thông suốt phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

(Chi tiết tại Phụ lục VIII kèm theo)

+ Cải tạo, xây mới, nâng cấp đường tỉnh lộ tối thiểu đạt cấp III đồng bằng, đảm bảo kết nối đồng bộ giữa các địa phương trong tỉnh, những đoạn tuyến đi qua khu vực đô thị, sẽ được đầu tư theo quy hoạch xây dựng đô thị được phê duyệt.

+ Đầu tư, nâng cấp các tuyến đường tỉnh lộ thành các tuyến quốc lộ, tuyến đường trục kết nối liên vùng từ Giồng Riềng (Kiên Giang) qua Ô Môn (Cần Thơ) đến Sa Đéc (Đồng Tháp) và các điểm đấu nối quốc lộ với hệ thống giao thông của tỉnh.

+ Nâng cấp các tuyến đường huyện quan trọng đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp VI, V theo tiêu chuẩn quy định hiện hành; ưu tiên nâng cấp các tuyến và đoạn tuyến chưa được cứng hóa, phấn đấu đạt tỷ lệ cứng hóa 100%.

+ Xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông nông thôn phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch xã nông thôn mới đáp ứng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu và huyện nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.

+ Nâng cấp và xây dựng mới hệ thống bến xe tại các huyện, thị xã, thành phố; tăng cường hệ thống bãi đỗ xe ngầm (nếu có) tại các công viên, vườn hoa, dưới các tổ hợp công trình quy mô lớn, bố trí các bãi đỗ xe tập trung kết hợp với các chức năng sử dụng đất khác đảm bảo kết nối thuận lợi và an toàn.

b) Về đường thủy nội địa

- Các tuyến giao thông đường thủy nội địa, khu bến cảng, khu neo đậu thực hiện theo Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long và các kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng.

- Tăng cường năng lực vận tải thủy của các tuyến chính: Tuyến Thành phố Hồ Chí Minh - Đồng Tháp - Kiên Giang, tuyến Đồng Tháp - Tiền Giang; tuyến vận tải thủy kết nối với Vương quốc Campuchia qua sông Tiền, sông Hậu.

+ Nâng cấp, bảo trì, phát triển và khai thác hiệu quả các tuyến đường thủy địa phương. Phát triển, bảo đảm nhu cầu vận tải hàng hóa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh; bảo đảm nhu cầu về nước cho sinh hoạt, sản xuất của người dân và bảo đảm dự trữ nước cho tỉnh và vùng đồng bằng sông Cửu Long.

+ Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp hệ thống cảng, bến thủy nội địa phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

(Chi tiết tại Phụ lục IX kèm theo)

c) Về cảng biển, cảng cạn

Thực hiện theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển và Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(Chi tiết tại Phụ lục IX kèm theo)

d) Về hàng không

Nghiên cứu, xây dựng sân bay chuyên dùng theo nhu cầu khai thác, phát triển kinh tế, du lịch và phải bảo đảm phù hợp Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc.

(Chi tiết tại Phụ lục X kèm theo)

đ) Về trung tâm logistics

Đầu tư xây dựng các trung tâm logistics cấp tỉnh tại các thành phố: Cao Lãnh, Sa Đéc, Hồng Ngự và các huyện: Cao Lãnh, Châu Thành, Hồng Ngự, Tân Hồng (tại Khu kinh tế cửa khẩu), Lấp Vò, Tháp Mười đáp ứng yêu cầu hỗ trợ quá trình sản xuất và phân phối, lưu thông hàng hóa.

2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện

Phát triển mạng lưới cấp điện phải phù hợp với quan điểm, mục tiêu, định hướng, phương án, tiêu chí, luận chứng tại Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII) và Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long tại Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII; phù hợp với quy định pháp luật về quy hoạch, đầu tư và các quy định của pháp luật khác có liên quan, bảo đảm an ninh, cân đối các nguồn, phụ tải, phù hợp với hạ tầng lưới điện, hiệu quả về kinh tế.

a) Nguồn điện

Phát triển nguồn năng lượng tái tạo tại chỗ (chủ yếu là điện năng lượng mặt trời, tự sản tự tiêu), năng lượng sinh khối, năng lượng từ rác thải góp phần tăng nguồn cung cấp năng lượng, giảm tổn thất trong truyền tải, giảm nhu cầu sử dụng năng lượng hóa thạch trong sản xuất điện và giảm phát thải CO_2 ra môi trường. Việc phát triển các nguồn điện phải phù hợp với Quy hoạch điện VIII.

b) Lưới điện cao thế 500kV và 220kV

Lưới điện cao thế 500kV và 220kV phát triển phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050.

c) Lưới điện cao thế 110kV

- Xây dựng thêm các trạm biến áp 110kV và cải tạo nâng công suất các trạm biến áp 110kV tại các khu vực có phụ tải lớn (khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đô thị, khu chức năng, khu dân cư tập trung), giúp đáp ứng đầy đủ nhu cầu điện cho phát triển kinh tế - xã hội và giảm tổn thất điện năng.

- Xây dựng các lộ ra 110kV từ các trạm biến áp 220kV, xây dựng mới đường dây 110kV tạo mạch vòng giúp nâng cao độ tin cậy cung cấp điện. Cải tạo, nâng công suất đường dây 110kV hiện hữu.

d) Lưới điện trung thế và hạ thế

- Xây dựng các lộ ra 22kV từ các trạm biến áp 110kV và liên kết mạch vòng các tuyến trung thế hiện hữu để khai thác hiệu quả các trạm biến áp 110kV hiện hữu và xây dựng mới trên địa bàn tỉnh.

- Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường dây 22kV hiện hữu, lưới điện trung thế 1 pha ở các khu vực chưa đáp ứng nhu cầu phụ tải thành trung thế 3 pha. Ngầm hóa các tuyến đường dây trong khu vực trung tâm thành phố, huyện và các khu đô thị.

(Chi tiết tại Phụ lục XI kèm theo)

3. Phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông

- Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, mạng kết nối vạn vật phục vụ chuyển đổi số toàn diện, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Tập trung xây dựng, hoàn thiện Trung tâm Chuyển đổi số, Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh. Ưu tiên chuyển đổi số các lĩnh vực: giáo dục, y tế, thương mại điện tử, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất công nghiệp, quản lý tài nguyên môi trường, giao thông và logistics.

- Phát triển mạng lưới hạ tầng viễn thông đảm bảo quốc phòng an ninh, an ninh thông tin, an toàn mạng lưới, trong đó tập trung phát triển hạ tầng mạng băng rộng. Ngầm hóa mạng cáp; cải tạo mạng truyền dẫn, tăng cường sử dụng hạ tầng dùng chung, đảm bảo an toàn, hiệu quả. Phát triển hạ tầng bưu chính đồng bộ, hiện đại, chuyển dịch từ bưu chính truyền thống sang bưu chính số. Phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản phù hợp với quy hoạch ngành quốc gia.

4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước

a) Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi

- Phát triển hệ thống thủy lợi theo hướng phục vụ đa mục tiêu, bảo đảm thuận lợi cung cấp nước sinh hoạt, sản xuất, giao thông đường thủy.

- Hệ thống thủy lợi tỉnh Đồng Tháp được phân thành 05 vùng sau:

+ Vùng I: Vùng phía Bắc kênh Tân Thành - Lò Gạch thuộc thành phố Hồng Ngự, các huyện: Tân Hồng và Hồng Ngự.

+ Vùng II: Vùng trung tâm Đồng Tháp Mười thuộc thành phố Hồng Ngự, các huyện: Tân Hồng, Tam Nông, Thanh Bình, Cao Lãnh và Tháp Mười.

+ Vùng III: Vùng phía Nam kênh Nguyễn Văn Tiếp thuộc thành phố Cao Lãnh, các huyện: Cao Lãnh và Tháp Mười.

+ Vùng IV: Vùng giữa sông Tiền - sông Hậu thuộc thành phố Sa Đéc, các huyện: Lấp Vò, Lai Vung và Châu Thành.

+ Vùng V: Khu vực các cù lao thuộc các huyện: Hồng Ngự và Thanh Bình.

- Xây mới, cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi bảo đảm sản xuất nông nghiệp, kiểm soát lũ, chủ động tưới, tiêu cho lúa 02 vụ, lúa Thu Đông, rau màu, cây ăn quả, cây hàng năm và cây lâu năm khác.

- Đầu tư, xây dựng các công trình để tích trữ nước, thiết lập hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, xây dựng các trạm bơm, cống và hệ thống kênh mương để đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn.

(Chi tiết tại Phụ lục XII kèm theo)

b) Phương án phát triển mạng lưới cấp nước

- Đảm bảo cấp nước cho sinh hoạt cho người dân, các khu vực sản xuất, dịch vụ từ nguồn nước mặt (hệ thống sông, kênh, rạch và hệ thống công trình thủy lợi).

- Xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước hoàn chỉnh toàn tỉnh, giảm tỷ lệ thất thoát và nâng cao chất lượng nguồn nước, phấn đấu 100% dân số sử dụng nước sạch đạt chuẩn và đáp ứng yêu cầu phòng cháy chữa cháy theo quy định.

(Chi tiết tại Phụ lục XIII kèm theo)

5. Phương án phát triển mạng lưới thoát nước

- Đối với hệ thống thoát nước mưa: Tận dụng tối đa hệ thống sông, kênh, rạch để thoát nước mưa; tiếp tục sử dụng hệ thống thoát nước ở các khu vực đã được đầu tư; đầu tư, xây dựng mới hệ thống thoát nước mưa ở các khu vực chưa được đầu tư đảm bảo tiêu, thoát nước vào mùa mưa, lũ.

- Đối với hệ thống thoát nước thải: Từng bước xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước thải đô thị và nông thôn. Đầu tư, xây dựng mới các trạm xử lý nước thải theo hình thức tập trung với quy mô phù hợp.

(Chi tiết tại Phụ lục XIV kèm theo)

6. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải

Chất thải được phân loại tại nguồn, xử lý bằng công nghệ tái sử dụng, tận thu, ủ phân, thiêu đốt chất thải không tái chế được (đốt rác phát điện), chôn lấp.

- Nâng cấp, cải tạo khu xử lý chất thải rắn tập trung tại huyện Cao Lãnh. Xây dựng mới 01 khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung tại thành phố Hồng Ngự; nghiên cứu đầu tư xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại khu chôn lấp cho các xã cù lao thuộc huyện Thanh Bình.

- Xây dựng các trạm trung chuyển để tập trung thu, gom rác phục vụ cho nhà máy xử lý rác và nhà máy đốt rác phát điện.

- Các chất thải y tế thông thường và nguy hại được thu gom và xử lý theo quy định.

(Chi tiết tại Phụ lục XV kèm theo)

7. Phương án phát triển nghĩa trang, cơ sở hỏa táng

Xây dựng, cải tạo, nâng cấp nghĩa trang, cơ sở hỏa táng tập trung phù hợp với quy hoạch; xây dựng nhà tang lễ tại các đô thị phù hợp với phân loại đô thị; di dời các nghĩa trang không bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường.

(Chi tiết tại Phụ lục XVI kèm theo)

8. Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy

- Xây dựng mạng lưới trụ sở, doanh trại của lực lượng cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, được bố trí bảo đảm mỗi huyện có tối thiểu 01 đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ và bố trí các điểm phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ tại các khu dân cư đảm bảo phục vụ tại chỗ.

- Xây dựng hệ thống giao thông phục vụ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ bảo đảm đủ rộng và đủ tải để xe chữa cháy hoặc cứu nạn, cứu hộ (thường là xe thang) của lực lượng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tiếp cận được.

- Hệ thống cung cấp nước chữa cháy bảo đảm theo quy định hiện hành.

- Hệ thống thông tin liên lạc phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tuân thủ theo quy định và được kết nối với các đơn vị tỉnh lân cận và trung ương.

VII. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đào tạo

- Rà soát, sắp xếp, nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới các trường, lớp các cấp đạt chuẩn theo quy định.

- Xây dựng các cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh theo hướng tự chủ, đa ngành, chất lượng cao, từng bước đạt tiêu chuẩn quốc tế.

- Khuyến khích, thu hút đầu tư các cơ sở giáo dục - đào tạo ngoài công lập.

(Chi tiết tại Phụ lục XVII kèm theo)

2. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở y tế

- Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các cơ sở y tế tuyến tỉnh và tuyến huyện; khuyến khích phát triển hệ thống y tế ngoài công lập góp phần đa dạng hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của nhân dân.

- Tiếp tục củng cố và hoàn thiện mạng lưới trạm y tế xã; đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp các trạm y tế xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh; 100% số xã có trạm y tế phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và nhu cầu khám chữa bệnh tại từng xã và thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm.

- Đầu tư, cải tạo, nâng cấp bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Tháp thành bệnh viện đa khoa cấp vùng theo Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(Chi tiết tại Phụ lục XVIII kèm theo)

3. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Tổ chức, sắp xếp lại và tăng cường đầu tư, nâng cấp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập đáp ứng nhu cầu đào tạo nhân lực chất lượng cao, phục vụ phát triển các ngành kinh tế chủ lực của tỉnh; khuyến khích xã hội hóa đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

(Chi tiết tại Phụ lục XIX kèm theo)

4. Phương án phát triển thiết chế văn hóa, thể thao

- Đầu tư, bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, nhất là các di tích văn hóa, lịch sử được xếp hạng cấp quốc gia đặc biệt, xếp hạng cấp quốc gia.

- Đầu tư, nâng cấp các công trình thiết chế văn hóa, thể thao đáp ứng nhu cầu sáng tạo, thụ hưởng các giá trị văn hóa, thể thao của người dân. Nâng cấp Bảo tàng, Thư viện tỉnh, Trung tâm văn hoá tỉnh.

- Xã hội hóa đầu tư phát triển thiết chế một số lĩnh vực thể thao, văn hóa.

(Chi tiết tại Phụ lục XX kèm theo)

5. Phương án phát triển hạ tầng thương mại

- Đầu tư và thu hút đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng thương mại có quy mô, cơ cấu phù hợp; ưu tiên phát triển thương mại điện tử.

- Tập trung đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng dịch vụ thương mại tại Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp theo quy hoạch.

- Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp các siêu thị, chợ đáp ứng yêu cầu lưu thông hàng hóa phục vụ nhân dân và yêu cầu về phòng chống cháy nổ, vệ sinh, an toàn thực phẩm.

- Phát triển hệ thống hạ tầng cung ứng, dự trữ xăng dầu, khí đốt đảm bảo cung cấp đầy đủ, an toàn, liên tục cho phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh và khu vực.

- Phát triển các trung tâm trưng bày, giới thiệu sản phẩm của tỉnh. Khuyến khích thu hút đầu tư, xã hội hoá để phát triển trung tâm logistics, trung tâm đầu mối, trung tâm thương mại, siêu thị, chợ đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

(Chi tiết tại Phụ lục XXI kèm theo)

6. Phương án phát triển cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng; cơ sở trợ giúp xã hội

- Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp và mở rộng quy mô cơ sở chăm sóc người có công, các cơ sở an sinh xã hội bảo đảm đầy đủ điều kiện chăm sóc, trợ giúp cho người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và các đối tượng khác.

- Khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia và đẩy mạnh xã hội hóa an sinh xã hội. Huy động các nguồn lực để tu bổ, sửa chữa, nâng cấp các công trình ghi công liệt sỹ và các cơ sở an sinh xã hội, bảo trợ xã hội.

(Chi tiết tại Phụ lục XXII kèm theo)

7. Phương án phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ

- Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các tổ chức khoa học và công nghệ công lập, bảo đảm thực hiện chức năng nghiên cứu, tiếp nhận, chuyển giao, khai thác và ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ theo quy định.

- Xây dựng không gian khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo tỉnh; triển khai Đề án xây dựng và phát triển sàn (trung tâm) giao dịch công nghệ tỉnh Đồng Tháp (trực tiếp, trực tuyến), hướng đến kết nối một cách đồng bộ với các sàn giao dịch công nghệ của vùng và quốc gia; phát triển hạ tầng thông tin khoa học và công nghệ trong tất cả các sở, ngành, địa phương.

(Chi tiết tại Phụ lục XXIII kèm theo)

VIII. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ, KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI

- Nguồn lực đất đai được điều tra, đánh giá, thống kê, kiểm kê, hạch toán đầy đủ trong nền kinh tế, được quy hoạch sử dụng hiệu quả, hợp lý, tiết kiệm, bền vững với tầm nhìn dài hạn; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, địa phương, lĩnh vực phù hợp với chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ.

- Các chỉ tiêu, diện tích chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp, đất ở, đất hạ tầng được tính toán, xác định trên cơ sở tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Việc triển khai các dự án sau khi Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt phải bảo đảm phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021 - 2025 đã được phân bổ cho tỉnh Đồng Tháp theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp có trách nhiệm xây dựng kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất cấp huyện phù hợp với phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất trong quy hoạch tỉnh để làm căn cứ thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

(Chi tiết tại Phụ lục XXIV kèm theo)

IX. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, ĐA DẠNG SINH HỌC, PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh

a) Về phân vùng môi trường

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt gồm: Khu dân cư tập trung ở đô thị (vùng nội thành, nội thị của các đô thị loại I, loại II, loại III); nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước (gồm: sông Tiền, sông Hậu); khu bảo tồn thiên nhiên (gồm: Vườn quốc gia Tràm Chim, Khu di tích quốc gia đặc biệt Gò Tháp, Khu di tích lịch sử Xẻo Quýt, Khu du lịch sinh thái Gáo Giồng); khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử - văn hóa; vùng lõi của di sản thiên nhiên.

- Vùng hạn chế phát thải gồm: Vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt; vùng đất ngập nước quan trọng; hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V; khu vui chơi giải trí dưới nước theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường khác cần được bảo vệ.

- Vùng khác: Các khu vực còn lại trên địa bàn quản lý.

b) Về bảo tồn đa dạng sinh học

- Tập trung bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học trên địa bàn nhằm bảo vệ môi trường sống của các loài sinh vật hiện có. Các giống, loài, nguồn gen nguy cấp, quý, hiếm cần được kiểm kê và có phương án bảo vệ.

- Thực hiện các chương trình bảo tồn và phục hồi đa dạng sinh học. Các loài ngoại lai xâm hại cần được quản lý và kiểm soát chặt chẽ.

c) Về quan trắc chất lượng môi trường

Xây dựng các điểm quan trắc chất lượng môi trường trên địa bàn toàn tỉnh, với mục tiêu quan trắc môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn, quan trắc môi trường nước mặt, quan trắc môi trường nước dưới đất, quan trắc môi trường đất và quan trắc chất lượng trầm tích phù hợp với quy hoạch ngành được duyệt.

2. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên

Khoanh vùng quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác. Rà soát các khu vực khoáng sản, nếu đủ điều kiện cấp phép thăm dò, khai thác thì bổ sung vào phương án thăm dò, khai thác khoáng sản khi có nhu cầu và phù hợp với quy định pháp luật. Tiếp tục nghiên cứu thăm dò các điểm khoáng sản theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(Chi tiết tại Phụ lục XXV kèm theo)

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

a) Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước

- Tổ chức điều tra cơ bản tài nguyên nước trên phạm vi toàn tỉnh. Đầu tư xây dựng hệ thống giám sát tài nguyên nước; duy trì việc giám sát dòng chảy, chất lượng nước ở các vị trí trên sông; từng bước hạn chế và chấm dứt khai thác tầng nước ngầm.

- Nghiên cứu xây dựng các công trình tích trữ nước, điều tiết, chuyển dẫn, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước. Phân bổ nguồn nước theo quy định, thực hiện các phương án điều hòa, giám sát việc khai thác, sử dụng nước.

- Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải các nguồn nước nội tỉnh, lập hành lang bảo vệ nguồn nước; thu gom, xử lý nước thải đô thị, nông thôn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Trong trường hợp hạn hán, thiếu nguồn nước, ưu tiên sử dụng nước theo thứ tự sau: nước phục vụ sinh hoạt của người dân, nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, nước phục vụ nuôi trồng thủy sản, nước phục vụ nhu cầu sản xuất của khu, cụm công nghiệp.

b) Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

Xây dựng phương án khai thác, sử dụng nguồn nước dự phòng cấp cho sinh hoạt trong trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn; triển khai các biện pháp bảo vệ, phòng, chống, khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra, các giải pháp phòng, chống úng, ngập đô thị, nông thôn theo quy định; thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên phạm vi địa bàn theo phân cấp của Chính phủ.

4. Phương án phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

- Dự báo, cảnh báo kịp thời, hiệu quả và thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá các tác động của rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu. Đảm bảo năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của hệ thống cơ sở hạ tầng; cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các công trình phòng chống thiên tai đảm bảo an toàn cho người dân. Cập nhật cơ sở dữ liệu phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai hiệu quả Kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh. Chú trọng xây dựng, cập nhật danh mục cơ sở phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính và tăng cường kiểm tra, giám sát.

X. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN HUYỆN, VÙNG HUYỆN

1. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện

- Vùng liên huyện phía Bắc gồm: Huyện Hồng Ngự, huyện Tân Hồng. Là cửa ngõ giao thương giữa vùng đồng bằng sông Cửu Long với Vương quốc Campuchia và các nước tiểu vùng sông Mê Công. Là vùng sản xuất lúa, nuôi trồng thủy sản, công nghiệp chế biến nông, thủy sản.

- Vùng liên huyện phía Nam gồm: Huyện Lấp Vò, huyện Lai Vung, huyện Châu Thành. Là vùng sản xuất nông nghiệp (cây ăn trái, hoa màu, hoa kiểng), công nghiệp chế biến, trung tâm dịch vụ hậu cần.

- Vùng liên huyện phía Đông gồm: Huyện Thanh Bình, huyện Tam Nông, huyện Tháp Mười, huyện Cao Lãnh. Là cửa ngõ kết nối với các tỉnh (Long An, Tiền Giang) và Thành phố Hồ Chí Minh; tập trung phát triển thành vùng sản xuất nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao tập trung, quy mô lớn (lúa, cây ăn trái, thuỷ sản và hoa màu).

2. Phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện

- Vùng huyện Cao Lãnh: Là vùng phát triển đô thị, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, cây ăn quả, rau, màu, thủy sản, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao lâm nghiệp kết hợp du lịch, có sự liên kết chặt chẽ với thành phố Cao Lãnh trong việc mở rộng và phát triển đô thị về phía Đông, tham gia vào vùng kinh tế động lực trung tâm của tỉnh.

- Vùng huyện Châu Thành: Là vùng phát triển đô thị cửa ngõ phía Đông Nam của tỉnh, chuyên canh lúa - màu, cây ăn quả, rau an toàn, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Vùng huyện Hồng Ngự: Là vùng phát triển đô thị và kinh tế biên giới, hậu cần đường thủy ven sông Tiền, cửa ngõ giao lưu quốc tế đường bộ - đường thủy với Vương quốc Campuchia, nuôi trồng thủy sản tập trung, lúa - màu, đảm bảo an ninh quốc phòng.

- Vùng huyện Lai Vung: Là vùng phát triển đô thị, văn hóa, nông nghiệp công nghệ cao, vùng trồng cây ăn quả, lúa - màu, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Vùng huyện Lấp Vò: Là vùng phát triển đô thị, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ hậu cần logistics cảng sông dựa trên lợi thế đầu mối giao thông đường thủy lẫn đường bộ, chuyên canh rau an toàn, cây ăn quả, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Vùng huyện Tam Nông: Là vùng trồng lúa kết hợp thủy sản theo hướng hữu cơ, nuôi trồng thủy sản và thủy đặc sản theo hướng sinh thái, phát triển đô thị sinh thái, năng lượng tái tạo, dự trữ sinh quyển kết hợp du lịch.

- Vùng huyện Tân Hồng: Là vùng phát triển đô thị và kinh tế biên giới, cửa ngõ giao lưu quốc tế đường bộ với Vương quốc Campuchia, trồng lúa kết hợp thủy sản theo hướng hữu cơ, nuôi trồng thủy sản tập trung, năng lượng tái tạo, đảm bảo an ninh quốc phòng.

- Vùng huyện Thanh Bình: Là vùng phát triển chuyên canh rau, màu, cây ăn quả và nuôi trồng thủy sản tập trung, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Vùng huyện Tháp Mười: Là vùng phát triển nông nghiệp chủ lực của tỉnh (chuyên canh lúa, sen, rau, màu, cây ăn quả) gắn với công nghiệp chế biến, vùng phát triển đô thị, dịch vụ, du lịch cửa ngõ phía Đông Bắc của tỉnh gắn với quốc lộ N2, tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo.

XI. DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN

Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, xác định các dự án lớn, có tính chất quan trọng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội để đầu tư và thu hút đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

(Chi tiết tại Phụ lục XXVI kèm theo)

XII. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

- Tập trung huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt, dự án tạo động lực lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Mở rộng các hình thức đầu tư, khuyến khích phương thức đầu tư đối tác công tư (PPP) và hình thức đầu tư khác, đồng thời tăng cường xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước để huy động nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và các dự án sản xuất, kinh doanh.

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp, tổ chức đấu giá quỹ nhà, đất công để bổ sung nguồn vốn đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Khai thác quỹ đất vùng phụ cận các hành lang kinh tế để tạo nguồn vốn đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Nghiên cứu ban hành quy định cơ chế huy động nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước có chất lượng, đủ mạnh ở mọi lĩnh vực. Nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách đột phá để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và lao động có kỹ năng gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động.

- Chú trọng hơn nữa đào tạo các ngành nghề mới, tiềm năng, đầu tư cho các nhóm nghiên cứu sâu về các lĩnh vực kỹ thuật số, công nghệ thông tin, công nghệ phần mềm, số hóa, năng lượng mới, vật liệu mới, công nghệ sinh học và sự tích hợp giữa chúng.

- Tập trung nguồn lực xây dựng mở rộng các cơ sở đào tạo, dạy nghề chất lượng cao, tăng cường kết nối giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động và doanh nghiệp.

3. Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ

- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường, nhất là đầu tư xử lý chất thải, xử lý ô nhiễm môi trường. Phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn, sản xuất sạch, sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên đối với các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh hợp tác liên tỉnh với các địa phương lân cận trong công tác bảo vệ môi trường, nhất là liên quan đến bảo vệ môi trường biển, bảo vệ rừng, bảo vệ đa dạng

sinh học giữa các khu vực giáp ranh; tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh, phát triển bền vững.

- Chủ động ứng dụng những thành tựu khoa học - công nghệ, đặc biệt là các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 phục vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của Tỉnh, trong đó, chú trọng ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ sơ chế, chế biến, bảo quản các nông sản, thủy sản chủ lực của tỉnh.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch chuyển đổi số, trọng tâm là phát triển hạ tầng số, cơ sở dữ liệu số, tạo nền tảng phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Huy động người dân, doanh nghiệp tham gia xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số; kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ công tác quản lý nhà nước.

4. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

- Nghiên cứu đề xuất ban hành các cơ chế, chính sách trên các lĩnh vực đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành để thu hút thêm các nguồn lực cho phát triển khu vực động lực và sự liên kết giữa khu vực động lực với các khu vực phụ trợ.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các chương trình hợp tác với các địa phương đã ký kết; tăng cường quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế tại Việt Nam, các cơ quan hợp tác quốc tế và xúc tiến thương mại nước ngoài, các đại sứ quán và cơ quan đại diện nước ngoài, các tổ chức phi chính phủ tại Việt Nam.

- Ban hành chính sách ưu đãi đặc biệt để phát triển Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp trở thành khu kinh tế tổng hợp gồm công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, đô thị và nông lâm, ngư nghiệp; trung tâm giao lưu phát triển kinh tế giữa các nước tiểu vùng sông Mê Công.

5. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

- Nghiên cứu các mô hình và thực tiễn quản lý phát triển đô thị và nông thôn để nâng cao năng lực quản lý và thực thi của chính quyền.

- Xây dựng và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách để phát triển các đô thị trở thành đô thị hiện đại, thông minh, dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan tỏa, liên kết vùng đô thị.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các Đề án, Chương trình quốc gia về phát triển đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh; cải tạo, chỉnh trang và nâng cấp đô thị; xây dựng và phát triển các đô thị thông minh.

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cải thiện chất lượng dịch vụ xã hội ở khu vực nông thôn để nâng cao chất lượng sống; chăm lo đời sống tại các vùng nông thôn, giảm di dân, góp phần ổn định xã hội và giảm nghèo.

6. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

- Tổ chức công bố công khai quy hoạch bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong triển khai thực hiện.

- Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật liên quan, đảm bảo đồng bộ.

- Triển khai xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch, thường xuyên cập nhật, cụ thể hóa các nội dung quy hoạch trong kế hoạch 05 năm và hàng năm. Các cấp, các ngành rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, kế hoạch phát triển bảo đảm phù hợp với quy hoạch được duyệt. Trong quá trình triển khai thực hiện, định kỳ đánh giá, giám sát việc thực hiện quy hoạch theo quy định.

XIII. SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

Danh mục sơ đồ, bản đồ Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 chi tiết tại Phụ lục XXVII kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phê duyệt tại Quyết định này là căn cứ lập quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp:

a) Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện về quản lý quy hoạch; hướng dẫn, phân công, phân cấp, điều phối, kiểm soát, bảo đảm thực hiện đầy đủ các nguyên tắc, quy trình, quy định trong quá trình thực hiện Quy hoạch; nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin và hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong quản lý và thực hiện quy hoạch.

c) Xây dựng, trình ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh; tổ chức thực hiện quy hoạch gắn với chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; định kỳ tổ chức đánh giá thực hiện quy hoạch, rà soát điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật.

d) Nghiên cứu xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh và quy định của pháp luật để huy động các nguồn lực thực hiện quy hoạch.

đ) Tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy hoạch; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật.

e) Tổ chức rà soát Quy hoạch tỉnh sau khi các quy hoạch, kế hoạch cấp quốc gia, quy hoạch, kế hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long được quyết định hoặc phê duyệt và thực hiện điều chỉnh quy hoạch tỉnh trong trường

hợp có mâu thuẫn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

g) Đối với các dự án được phân kỳ đầu tư sau năm 2030, trường hợp có nhu cầu đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và huy động được nguồn lực thì báo cáo cấp có thẩm quyền chấp thuận cho đầu tư sớm hơn.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu, cơ sở dữ liệu, các phụ lục kèm theo Quyết định này; các ý kiến tiếp thu, giải trình, bảo lưu đối với ý kiến rà soát, góp ý của các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan; danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện trong thời kỳ quy hoạch được ban hành kèm theo Quyết định này bảo đảm phù hợp, đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch có liên quan và hệ thống bản đồ trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh theo đúng quy định của Luật Quy hoạch năm 2017, các quy định của pháp luật liên quan; bảo đảm phù hợp, đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch có liên quan; thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các cam kết tại Văn bản số 01/UBND-ĐTQH ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

4. Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các chương trình, dự án, đề án, bao gồm cả các dự án chưa được xác định trong Danh mục dự án ưu tiên đầu tư ban hành kèm theo Quyết định này, phải bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển của đất nước, vùng và địa phương, mục tiêu, định hướng, phương án phát triển đã được xác định tại Quyết định này và quy hoạch cao hơn có liên quan (nếu có).

Trong quá trình nghiên cứu, triển khai các dự án cụ thể, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện về việc xác định vị trí, diện tích, quy mô, công suất, phân kỳ đầu tư các công trình, dự án phù hợp với khả năng huy động nguồn lực và thực tiễn phát triển tỉnh và tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.

Các dự án, công trình đang được rà soát, xử lý theo các Kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán và thi hành các bản án (nếu có) chỉ được triển khai thực hiện sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo Kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án (nếu có) và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm đúng các quy định hiện hành.

5. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hỗ trợ, hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong quá trình thực hiện quy hoạch; phối hợp Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong việc đề xuất các cơ chế chính sách, giải pháp, huy động và bố trí nguồn lực thực hiện hiệu quả các mục tiêu, định hướng của quy hoạch bảo đảm thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 của đất nước, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHĐP (3). Th.Tùng.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Trần Hồng Hà